

Số: /QĐ-TCKH

Biên Hòa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Phó Trưởng phòng và các Tổ chuyên môn, Kế toán phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa & Thông tin (p/h công khai);
- Các P.Trưởng phòng;
- Tổ HCSN;
- Lưu :VT,Kế toán.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thị Duyên**

Đơn vị: **PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**  
Chương: 618

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-TCKH ngày /12/2024)

Đơn vị tính: đồng

| STT        | Nội dung                                            | Tổng số              |
|------------|-----------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:</b> |                      |
| <b>1</b>   | <b>Số thu:</b>                                      | <b>20.000.000</b>    |
|            | - Phí thẩm định dự án đầu tư.                       | 20.000.000           |
| <b>2</b>   | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại:</b>            | <b>18.000.000</b>    |
|            | - Phí thẩm định dự án đầu tư.                       | 18.000.000           |
| <b>3</b>   | <b>Số phí, lệ phí nộp Ngân sách Nhà nước:</b>       | <b>2.000.000</b>     |
|            | - Phí thẩm định dự án đầu tư.                       | 2.000.000            |
| <b>II</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>               | <b>6.795.600.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính:</b>                      | <b>6.795.600.000</b> |
| <b>1.1</b> | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:</b>            | <b>5.258.000.000</b> |
| 1.1.1      | Thanh toán cá nhân :                                | 3.533.000.000        |
|            | - Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp.               | 3.533.000.000        |
| 1.1.2      | Kinh phí hoạt động thường xuyên                     | 1.725.000.000        |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 1.552.500.000        |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 172.500.000          |
| <b>1.2</b> | <b>Kinh phí không thực hiện tự chủ:</b>             | <b>1.537.600.000</b> |
| 1.2.1      | Kinh phí ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể:    | 50.000.000           |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 45.000.000           |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 5.000.000            |
| 1.2.2      | Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp:   | 40.000.000           |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 36.000.000           |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 4.000.000            |
| 1.2.3      | Kinh phí đặc thù ngành tài chính:                   | 250.000.000          |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 225.000.000          |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 25.000.000           |
| 1.2.4      | Kinh phí cho hoạt động thu phí, lệ phí:             | 150.000.000          |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 135.000.000          |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 15.000.000           |
| 1.2.5      | Kinh phí cưỡng chế:                                 | 1.000.000.000        |
|            | - Kinh phí hoạt động                                | 900.000.000          |
|            | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương    | 100.000.000          |
| 1.2.6      | Kinh phí phần mềm HTCV-TL.                          | 20.000.000           |
| 1.2.7      | Kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán.                     | 27.600.000           |
|            |                                                     |                      |

**Ghi chú :**

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 75 triệu x 23 biên chế.
- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025.
- Chi hoạt động thường xuyên năm 2025 đã bao gồm chi phí bảo trì phần mềm quản lý tài sản (2.000.000 đồng/năm), kinh phí phần mềm HTCVC-TL (20.000.000 đồng).